LỰA CHỌN VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ VẬT CHẤT MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Đỗ Quốc Hùng*
Lê Quốc Huy*

Tóm tắt:
Từ kết quả nghiên cứu đề tài, bài báo tập trung xác định lựa chọn các biện pháp đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất cho môn học giáo dục thể chất trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng. Đồng thời đánh giá hiệu quả của các biện pháp thông ý kiến phản hồi của giảng viên, sinh viên, kết quả rèn luyện thân thể và kết quả học tập môn tự chọn bóng rổ.
Từ khóa: Đánh giá, biện pháp, đảm bảo chất lượng, cơ sở vật chất, môn học giáo dục thể chất, đại học

Selecting and assessment of method efficiency ensuring facility quality of physical education in Hanoi University of science and technology and Da Nang university

Summary:
Based on the research outcome, the article focuses on selecting methods to ensure the facility quality of the physical education in Hanoi University of science and technology and Da Nang University. Simultaneously, it assess the method efficiency through feedbacks by lecturers and students, physical training and chosen basketball studying results.
Keywords: Assess, methods, ensuring quality, facility, physical training, university

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại học Đà Nẵng đang nỗ lực xây dựng cho mình một học hiệu chất lượng, phấn đấu trở thành một trong những đại học trọng điểm có uy tín hàng đầu ở Việt Nam, được xếp hạng cao trong hệ thống giáo dục đại học khu vực và thế giới. Trong quy hoạch phát triển nhà trường, môn học GDTC luôn được Nhà trường ưu tiên đầu tư. Đặc biệt là các điều kiện đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ học tập và rèn luyện thể chất cho sinh viên.

Căn cứ thông tư của Bộ GD-ĐT quy định về Giáo dục thể chất trong các trường đại học, cao đẳng không chuyên TDTT về các điều kiện đảm bảo chất lượng đối với cơ sở vật chất cho môn học GDTC: "Các trường phải bố trí cơ sở vật chất trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao phù hợp với yêu cầu cho dạy, học các học phần của chương trình Giáo dục thể chất; nếu trường có quy mô đào tạo lớn trên 20.000 sinh viên, cần có sân vận động đa năng, bể bơi, nhà thi đấu thể thao, sân điền kinh tổng hợp, sân bóng đá tiêu chuẩn".

Tuy nhiên, đánh giá mức độ đáp ứng về CSVC cho môn GDTC ở trường ĐHBK-ĐHĐN hiện chỉ mang tính nhận định chủ quan và chưa đề xuất được các biện pháp phù hợp. Do vậy, việc tìm ra các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo môn học GDTC dưới góc độ đảm bảo về cơ sở vật chất là rất cần thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn, toạ đàm; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp toán kinh tế; Phương pháp toán học thống kê.

*ThS, Trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Đề xuất và xây dựng nội dung một số biện pháp đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất cho môn học GDTC của Trường ĐHBK-ĐHĐN

Trên cơ sở phân tích các thực trạng và nguyên nhân ảnh hưởng, đề tài đã đề xuất được 03 biện pháp đảm bảo chất lượng cơ sở vật chất cho môn GDTC của Trường ĐHBK-ĐHĐN. Để có cơ sở thực tiễn lựa chọn các biện pháp, đề tài đã tiến hành phỏng vấn đối với 23 cán bộ quản lý, giảng viên. Nội dung phỏng vấn là xác định mức độ ưu tiên của các biện pháp đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất cho môn học GDTC của Trường ĐHBK-ĐHĐN đưa ra ở 3 mức độ ưu tiên. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn biện pháp đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất cho môn học GDTC của Trường ĐHBK-ĐHĐN (n=23)

TT	Biện pháp	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết	
		m_i	%	m_i	%	m_i	%
1	Biên chế lớp tín chỉ môn học GDTC dựa trên tiêu chuẩn về số lượng SV có khả năng tập luyện cùng lúc ở từng môn thể thao	23	100	-	-	-	-
2	Phân định cấp độ tín chỉ môn học GDTC theo 3 mức gắn liền với đảm bảo chất lượng CSVC TDTT	23	100	-	-	-	-
3	Giảm biên chế số lượng sinh viên lớp đăng ký môn thể thao tự chọn là bóng rổ, bóng bàn. Sắp xếp học phần bắt buộc là môn thể dục (hoặc Aerobic) vào tập luyện tại nhà thi đấu đa năng	23	100	-	-	-	-

Từ kết quả bảng 1 cho thấy, tất cả các biện pháp đề xuất đều được đa số các ý kiến lựa chọn ở mức cao, mức độ rất cần thiết đều là 23/23, chiếm tỷ lệ 100%. Như vậy, thông qua kết quả phỏng vấn chúng tôi đã lựa chọn được 03 biện pháp đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất cho môn học GDTC của Trường ĐHBK-ĐHĐN.

2. Đánh giá hiệu quả các biện pháp đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất cho môn học giáo dục thể chất của Trường ĐHBK-ĐHĐN

2.1. Mức độ tán thành của giảng viên đối với tính hiệu quả của các biện pháp

Đối tượng xin ý kiến đánh giá gồm 23 người, kết quả trả lời của giảng viên và cán bộ quản lý được thống kê trong bảng 2 và bảng 3.

Kết quả thống kê ở bảng 2 và bảng 3 cho thấy: Đa số cán bộ, giảng viên đều cho rằng các biện pháp mà đề tài lựa chọn và ứng dụng có tính hiệu quả cao. Hầu hết các giảng và cán bộ quản lý được phỏng vấn đều đồng ý về cơ bản với các nhận định được đưa ra trong phiếu hỏi:

Bảng 2. Mức độ tán thành của cán bộ, giảng viên đối với tính hiệu quả của các biện pháp đã lựa chọn (n=23)

TT	Phương án trả lời	m_i	Tỷ lệ (%)
1	Rất đồng ý	101	87.83
2	Đồng ý	9	7.83
3	Phân vân	4	3.48
4	Không đồng ý	1	0.87
5	Rất không đồng ý	0	0
	Tổng	**115**	**100**

87.83% ở mức rất đồng ý và 7.83% ở mức đồng ý, tổng từ mức đồng ý trở lên đạt 95.66%. Điều đó có nghĩa là các giảng viên và cán bộ quản lý đã đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất là hoàn toàn phù hợp với mục tiêu và yêu cầu đề ra khi chuyển đổi từ đào tạo niên chế sang tín chỉ.

Bảng 3. Đánh giá của giảng viên và cán bộ quản lý về mức độ phù hợp giữa các biện pháp đảm bảo chất lượng CSVC với chương trình môn học GDTC Trường ĐHBK-ĐHĐN (n=23)

TT	Nội dung phỏng vấn	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1	Quy mô sắp xếp SV/lớp gắn với đặc thù CSVC tập luyện theo từng môn thể thao là hợp lý	82.61	8.7	8.7	0	0
2	SV có cơ hội thực hành các môn thể thao và ứng dụng các lý thuyết vào giờ học chính khóa và ngoại khóa	86.96	8.7	4.35	0	0
3	Các tín chỉ GDTC được sắp xếp theo cấp độ gắn liền với đảm bảo chất lượng về CSVC là hợp lý	86.96	4.35	4.35	4.35	0
4	Cơ sở vật chất kỹ thuật TDTT gắn với tiêu chuẩn tập luyện cùng lúc là đáp ứng nhu cầu tập luyện của SV	86.96	13.04	0	0	0
5	SV có môi trường học tập môn học GDTC và rèn luyện sức khỏe tốt	95.65	4.35	0	0	0

2.2. Đánh giá của sinh viên học môn GDTC đối với tính hiệu quả của các biện pháp

Đối tượng xin ý kiến đánh giá gồm 36 SV học môn thể thao tự chọn bóng rổ. Kết quả trả lời của SV được thống kê trong bảng 4 và bảng 5.

Bảng 4. Mức độ tán thành của sinh viên đối với tính hiệu quả của các biện pháp đã lựa chọn (n=36)

TT	Phương án trả lời	m_i	Tỷ lệ (%)
1	Rất đồng ý	287	79.72
2	Đồng ý	32	8.89
3	Phân vân	23	6.39
4	Không đồng ý	16	4.44
5	Rất không đồng ý	2	0.56
	Tổng	**360**	**100**

Kết quả thu được ở bảng 4 và bảng 5 cho thấy: hầu hết SV đều đồng ý hoặc rất đồng ý với các nhận định đưa ra trong phiếu hỏi: rất đồng ý chiếm 79.72% và đồng ý chiếm 8.89%. Điều đó có nghĩa là SV đánh giá cao chất lượng giảng dạy môn học tự chọn bóng rổ. Đặc biệt đối với ý kiến nhận định "Giảng viên bố trí sân tập, nhà tập TDTT gắn với tiêu chuẩn tập luyện cùng lúc là đáp ứng nhu cầu tập luyện của SV" đạt được ở mức cao nhất: rất đồng ý chiếm 94.44% và đồng ý chiếm 5.56%

2.3. Kết quả học tập và rèn luyện thân thể của SV sau khi ứng dụng các biện pháp mà đề tài đã lựa chọn

(1) Theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

Sau khi kết thúc quá trình thực nghiệm, chúng tôi tiến hành kiểm tra đánh giá trên đối tượng được thụ hưởng các biện pháp đã lựa chọn. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 6 và biểu đồ 1.

Từ kết quả thu được ở bảng 6 và biểu đồ 1 cho thấy, khi so sánh kết quả xếp loại tiêu chuẩn rèn luyện thân thể của đối tượng nghiên cứu với nam sinh viên cùng khóa cho thấy, có sự khác biệt rõ rệt về kết quả xếp loại tổng hợp tiêu chuẩn rèn luyện thân thể với $\chi^2_{tính} = 8.516 > \chi^2_{bảng} = 6.635$ với $P < 0.01$. Đồng thời tỷ lệ sinh viên đạt tiêu chuẩn đánh giá thể lực cũng hơn hẳn nam sinh viên cùng khóa, đạt 91.8%. Điều đó một lần nữa lại khẳng định rõ hiệu quả của các biện pháp phát đảm bảo chất lượng về CSVC cho môn học giáo dục thể chất của Trường ĐHBK-ĐHĐN mà đề tài đã lựa chọn.

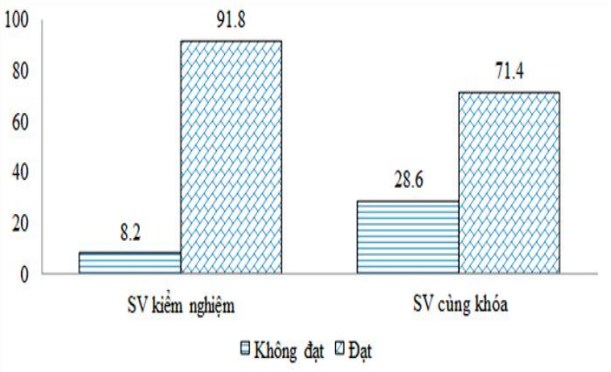
(2) So sánh kết quả học tập môn GDTC phân theo biên chế lớp tín chỉ 36 SV/lớp và 50 SV/lớp (dẫn giải ở môn bóng rổ).

Bảng 5. Đánh giá của sinh viên về mức độ phù hợp giữa các biện pháp đảm bảo chất lượng CSVC với chương trình môn học GDTC trường ĐHBK-ĐHĐN (n=36)

TT	NỘI DUNG PHỎNG VẤN	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1	GV đã phổ biến cho SV đề cương môn học và các tài liệu liên quan ở buổi học đầu tiên	88.89	2.78	2.78	2.78	2.78
2	Giảng viên đã giới thiệu những kỹ thuật cơ bản của môn học chính xác	77.78	11.11	5.56	5.56	0
3	Nội dung môn học thiết thực và hữu ích	88.89	5.56	2.78	2.78	0
4	Giảng viên sử dụng phương pháp giảng dạy đã lôi cuốn được SV	75	8.33	11.11	5.56	0
5	**Giảng viên bố trí sân tập, nhà tập TDT gắn với tiêu chuẩn tập luyện cùng lúc là đáp ứng nhu cầu tập luyện của SV**	**94.44**	**5.56**	**0**	**0**	**0**
6	Bài tập, lượng vận động mà GV đưa ra phù hợp với trình độ, sức khỏe của SV	66.67	13.89	8.33	11.11	0
7	GV luôn tạo cơ hội cho SV tập luyện các kỹ thuật đã được hướng dẫn	83.33	8.33	2.78	5.56	0
8	GV nắm bắt tốt tâm lý và quan tâm tới tiến bộ của SV trong quá trình học tập, có sự động viên, khuyến khích kịp thời	72.22	13.89	8.33	5.56	0
9	GV khuyến khích SV nêu câu hỏi và bày tỏ quan điểm riêng về các vấn đề của môn học	80.56	8.33	11.11	0	0
10	GV tổ chức kiểm tra-đánh giá kết quả học tập luôn đảm bảo tính trung thực, công bằng và phản ánh đúng năng lực của SV	69.44	11.11	11.11	5.56	2.78

Bảng 6. So sánh kết quả xếp loại tiêu chuẩn rèn luyện thân thể của đối tượng nghiên cứu với nam sinh viên cùng khóa sau thực nghiệm

Xếp loại	Kết quả xếp loại theo tiêu chuẩn RLTT				Tổng
	SV kiểm nghiệm (n=61)		SV cùng khóa (n=63)		
Đạt	56 *49.685* **0.803**	91.80%	45 *51.315* **0.777**	71.40%	**101**
Không đạt	5 *11.315* **3.524**	8.20%	18 *11.685* **3.412**	28.60%	**23**
Tổng	**61**		**63**		**124**
So sánh	**$\chi^2_{tính} = 8.516 > \chi^2_{0.05} = 6.635$ với P < 0.01**				



Biểu đồ 1. So sánh kết quả xếp loại theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể của đối tượng nghiên cứu với nam SV cùng khóa

Bảng 7. So sánh kết quả xếp loại học tập môn tự chọn bóng rổ của đối tượng nghiên cứu với sinh viên cùng khóa

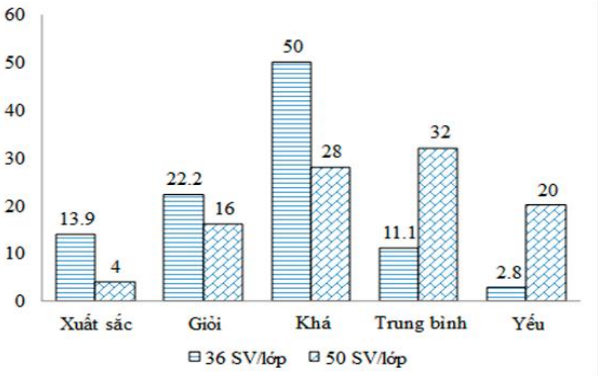
Xếp loại	Kết quả xếp loại học tập				Tổng
	SV kiểm nghiệm (n = 36)		SV cùng khóa (n = 50)		
Xuất sắc	5 2.93 **1.462**	13.90%	2 4.07 **1.053**	4.00%	**7**
Giỏi	8 6.698 **0.253**	22.20%	8 9.302 **0.182**	16.00%	**16**
Khá	18 13.395 **1.583**	50.00%	14 18.605 **1.14**	28.00%	**32**
Trung bình	4 8.372 **2.283**	11.10%	16 11.628 **1.644**	32.00%	**20**
Yếu	1 4.605 **2.822**	2.80%	10 6.395 **2.032**	20.00%	**11**
Tổng	**36**		**50**		**86**
So sánh	$\chi^2_{tính} = 14.453 > \chi^2_{0.05} = 13.277$ với $P < 0.01$				

Từ kết quả thu được ở bảng 7 và biểu đồ 2 cho thấy, khi so sánh kết quả xếp loại phân theo biên chế lớp tín chỉ là 36 SV/lớp (đúng theo tiêu chuẩn tập luyện cùng lúc) và 50 SV/lớp theo biên chế lớp tín chỉ theo quy định của nhà trường cho thấy có sự khác biệt rõ rệt về kết quả xếp loại giữa hai lớp tín chỉ với $\chi^2_{tính} = 14.453 > \chi^2_{bảng} = 13.277$ với $P < 0.01$. Điều đó một lần nữa khẳng định tính hiệu quả của các biện pháp phát đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất cho môn học tự chọn bóng rổ cho sinh viên Trường ĐHBK-ĐHĐN mà đề tài đã lựa chọn.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn được 03 biện pháp đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất cho môn học giáo dục thể chất của Trường ĐHBK-ĐHĐN. Kết quả ứng dụng các biện pháp đã cho thấy hiệu quả tích cực thông qua ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên và SV sau khi kết thúc môn học tự chọn. Đồng thời kết quả học tập môn học tự chọn và thể lực chung ở các lớp bước đầu được áp dụng biện pháp đảm bảo chất lượng CSVC đã lựa chọn có sự khác biệt rõ rệt so với các lớp được biên chế theo quy định.

Để đánh giá hiệu quả của biện pháp đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất cho môn học tự chọn bóng rổ của Trường ĐHBK-ĐHĐN, chúng tôi đã tiến hành so sánh kết quả xếp loại học tập theo 5 mức: Xuất sắc, giỏi, khá, trung bình và yếu kém, giữa nhóm kiểm nghiệm với lớp tín chỉ cùng khóa song chưa được áp dụng các biện pháp mà đề tài lựa chọn. Kết quả thu được trình bày ở bảng 7 và biểu đồ 2.



Biểu đồ 2. So sánh kết quả xếp loại học tập môn tự chọn bóng rổ của đối tượng nghiên cứu với sinh viên cùng khóa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Đình Bẩm (2003), *Quản lý chuyên ngành TDTT,* Nxb TDTT, Hà Nội.

2. Nguyễn Đức Chính (2002), *Kiểm định chất lượng trong Giáo dục đại học,* NXB Quốc gia Hà Nội.

3. Lương Kim Chung, Dương Nghiệp Chí, Tạ Xuân Lai (2003), *Kinh tế học TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.

4. Chính phủ - Nghị định 11/2015/NĐ-CP ban hành ngày 31/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

5. Trần Khánh Đức, *Đo lường và Đánh giá trong giáo dục, Khoa Sư phạm*, ĐHQG Hà Nội.

6. Ngô Trang Hưng (2013), "Xác định tài sản TDTT ở một số tỉnh, thành phía Bắc để phục vụ quản lý TDTT ở nước ta", *Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục*, Viện khoa học TDTT Hà Nội.

7. Nguyễn Công Khanh (2004), *Đánh giá và Đo lường trong khoa học xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8. Nguyễn Đình Phan (2005), "Giáo trình quản lý chất lượng trong các tổ chức", Nxb Lao động – Xã hội, Hà Nội.

Bài nộp ngày 16/11/2016, phản biện ngày 29/11/2016, duyệt in ngày 5/12/2016